

Bài 8

CÁC NGÀNH LUẬT TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM (tt) LUẬT DÂN SỰ

Quan hệ tài sản

Tài sản : vật, tiền, giấy tờ có giá; các quyền tài sản

Quan hệ tài sản : Những quan hệ XH được hình thành giữa người với người thông qua một tài sản nhất định

1. Khái niệm

Luật dân sự là một ngành luật trong hệ thống PLVN bao gồm tổng thể các QPPL điều chỉnh các quan hệ tài sản mang tính chất hàng hóa-tiền tệ và quan hệ nhân thân trên cơ sở bình đẳng, độc lập của các chủ thể tham gia vào quan hệ pháp luật đó

→ **Đối tượng điều chỉnh**:

- Quan hệ tài sản
- Quan hệ nhân thân

→ **Phương pháp điều chỉnh**: Bình đẳng, tự định đoạt, tự chịu trách nhiệm

Nguồn : Bộ luật dân sự (2005)

Quan hệ nhân thân

Những quan hệ XH phát sinh từ một giá trị tinh thần (giá trị nhân thân) của một cá nhân hay một tổ chức và luôn gắn liền với một chủ thể nhất định.

Gồm:

- Quan hệ nhân thân gắn với tài sản

VD: Quyền tác giả về cho phép xuất bản tác phẩm...

- Quan hệ nhân thân không gắn với tài sản

VD: Quyền mang họ tên; quyền kết hôn, ly hôn...

2. Một số chế định cơ bản của Luật dân sự

a) Quyền nhân thân

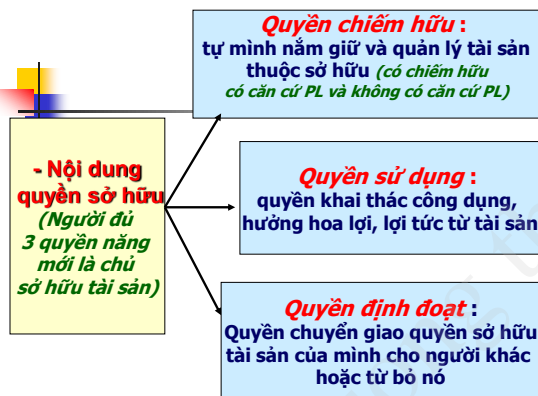
Quyền con người về dân sự gắn liền với mỗi cá nhân

Gồm : quyền đối với họ tên; quyền thay đổi họ tên; quyền xác định dân tộc; Được khai sinh, khai tử; Quyền cá nhân đối với hình ảnh; quyền bí mật đời tư; Được hiến bộ phận cơ thể, hiến xác; Được xác định lại giới tính; Được bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín; Được bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe, thân thể; quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, di lại, nghiên cứu, sáng tạo...

a) Quyền nhân thân

Khi quyền nhân thân của một cá nhân bị xâm phạm, người đó **có quyền**:

- Tự mình cải chính
- Yêu cầu người vi phạm hoặc yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền buộc người vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm, xin lỗi, cải chính công khai, bồi thường thiệt hại



9

b) Quyền sở hữu

Bài tập

1. A và N là sinh viên cùng lớp. A mượn xe máy của N 10 ngày và đã được N đồng ý. Hỏi trong 10 ngày đó, A có đầy đủ quyền sở hữu đối với chiếc xe đó không? Vì sao?
2. D vay tiền của H với thời hạn là 3 tháng và giao xe máy cùng giấy tờ xe của mình cho H sử dụng để làm tín. Sau 1 tháng, H đã bán xe của D. Hỏi H có quyền bán xe của D không? Vì sao?
3. D giữ xe máy cho khách hàng. Trong thời gian giữ xe, D có quyền sở hữu chiếc xe đó không? Vì sao?

Đáp án: Không

1. Trong 10 ngày đó, A chỉ có quyền chiếm hữu, quyền sử dụng, không có quyền định đoạt
2. Trong 3 tháng D chỉ có quyền chiếm hữu, quyền sử dụng, không có quyền định đoạt
3. D chỉ có quyền chiếm hữu. Không có quyền sử dụng và quyền định đoạt

Xác lập, chấm dứt quyền sở hữu

Xác lập : Do LĐ, SX, kinh doanh hợp pháp; Được chuyển quyền sở hữu; Thu hoa lợi, lợi tức; tạo thành vật mới do sáp nhập, trộn lẫn, chế biến; Được thừa kế; các trường hợp khác...

Chấm dứt : chuyển quyền sở hữu cho người khác; Từ bỏ quyền sở hữu; tài sản bị tiêu hủy; tài sản bị xử lý để thực hiện nghĩa vụ của chủ sở hữu; TS bị trưng mua, bị tịch thu.

c. Quyền thừa kế

- Những quy định chung về quyền thừa kế

- **Người để lại di sản**: Người chết để lại tài sản
- **Di sản**: hiện vật, tiền, các quyền và nghĩa vụ tài sản, quyền sử dụng đất.

Lưu ý: Quyền và nghĩa vụ tài sản gắn liền với nhân thân 1 cá nhân không được coi là di sản thừa kế (lương hưu, phụ cấp thương tật, nghĩa vụ đóng thuế thu nhập cá nhân...)

- Những quy định chung về quyền thừa kế

- **Người thừa kế**: người được người chết để lại tài sản, theo di chúc (cá nhân, tổ chức), theo PL (cá nhân) còn sống, còn tồn tại tại thời điểm mở thừa kế.
- **Thời điểm mở thừa kế**: thời điểm người có tài sản chết
- **Địa điểm mở thừa kế**: nơi cư trú cuối cùng của người để lại di sản. Nếu không xác định được, là nơi có toàn bộ hoặc phần lớn tài sản

- Những quy định chung về quyền thừa kế

Những người không được quyền hưởng di sản

- Bị kết án cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe hoặc ngược đãi nghiêm trọng, hành hạ người để lại di sản;
- Vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ nuôi dưỡng người để lại di sản
- Lừa dối, cưỡng ép, ngăn cản người để lại di sản trong việc lập di chúc; giả mạo di chúc, sửa chữa di chúc, hủy di chúc nhằm hưởng di sản trái ý chí người để lại di sản

- Thừa kế theo di chúc

Di chúc: Sự thể hiện ý chí của cá nhân chuyển tài sản của mình cho người khác sau khi chết.

- + Hình thức: lời nói, văn bản
- + Có hiệu lực pháp luật từ thời điểm mở thừa kế

Quyền của người lập di chúc

- Chỉ định người thừa kế; trừất quyền hưởng di sản của người thừa kế
- Phân định phần di sản cho từng người thừa kế
- Dành 1 phần di sản trong khối di sản để di tặng, thờ cúng
- Giao nghĩa vụ cho người thừa kế
- Chỉ định người giữ di chúc, người quản lý di sản, người phân chia di sản

Di chúc hợp pháp

- + **Người lập di chúc có năng lực hành vi** (đủ 18t trở lên và không bị tâm thần hoặc bệnh khác mà không làm chủ được hành vi; Từ đủ 15t đến chưa đủ 18t có quyền lập di chúc nhưng phải bằng văn bản và phải được cha mẹ, người giám hộ đồng ý – Đ647, Bộ LDS)
- + **Người lập di chúc minh mẫn, sáng suốt trong khi lập di chúc, không bị lừa dối, đe dọa (Đ652, BLDS)**
- + **Nội dung DC không trái PL, đạo đức XH**
- + **Hình thức di chúc phải phù hợp PL**

Người thừa kế không phụ thuộc di chúc

- Con chưa thành niên, cha, mẹ, vợ, chồng, con đã thành niên không có khả năng LĐ
- Được hưởng phần di sản bằng 2/3 suất của một người thừa kế theo PL, nếu di sản được chia theo PL

- Thừa kế theo pháp luật

+ Các trường hợp áp dụng thừa kế theo pháp luật

1. Không có di chúc; di chúc không hợp pháp;
2. Những người thừa kế theo di chúc đều chết trước hoặc cùng thời điểm với người lập di chúc. Cơ quan thừa kế không còn vào thời điểm mở thừa kế.
3. Những người được chỉ định thừa kế theo di chúc không có quyền hưởng di sản hoặc từ chối hưởng di sản
4. Phần di sản không được định đoạt trong di chúc

+ Hàng thừa kế

- Hàng thừa kế thứ nhất: vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết
- Hàng thừa kế thứ 2: ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh ruột, chị ruột, em ruột của người chết, cháu ruột mà người chết là ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại
- Hàng thừa kế thứ 3: cụ nội, cụ ngoại, bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột của người chết. Cháu ruột mà người chết là bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột; chắt ruột mà người chết là cụ nội, cụ ngoại

- Thừa kế theo pháp luật

Những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau.

Những người ở hàng thừa kế sau chỉ được hưởng khi không còn ai ở hàng thừa kế trước.

- Thừa kế thế vị

Con của người để lại di sản chết trước hoặc cùng thời điểm với người để lại di sản thì cháu được hưởng phần của cha mẹ. Nếu cháu cũng chết trước hoặc cùng thời điểm với người để lại di sản thì chắt được hưởng thừa kế nếu còn sống.

Bài tập về thừa kế

Lưu ý khi làm 1 bài tập về thừa kế:

Khi người chết không để lại di chúc:

- Về nguyên tắc di sản thừa kế được chia theo PL
- Xác định di sản thừa kế, bao gồm:
 - + Tài sản trong khối tài sản chung của vợ chồng: Về nguyên tắc khi 1 bên chết trước thì tài sản được đem chia đôi.
 - + Tài sản riêng của người để lại di sản
 - + Tài sản góp vốn: dc chia theo tỷ lệ góp vốn
- Xác định hàng thừa kế

Khi người chết để lại di chúc: chia di sản theo di chúc, chú ý trường hợp thừa kế không phụ thuộc nội dung di chúc

Bài tập 1

- Ông Sung kết hôn hợp pháp với bà Vả và có 3 con gái là Lan (1972), Hồng (1974), Huệ (1976). Ông Sung quan hệ bất chính với bà Nhận và có 1 con trai là Xoài (2002). Ông Sung qua đời viết di chúc hợp pháp để lại toàn bộ tài sản cho con trai riêng (Xoài) là 1 tỷ đồng.

Hỏi theo PL dân sự ai sẽ được hưởng di sản của ông Sung. Hãy chia di sản của ông Sung theo PL hiện hành (*Biết rằng, vợ và các con của ông Sung hoàn toàn khỏe mạnh, cha mẹ đẻ của ông đã chết*).

Đáp án

- Những người được hưởng thừa kế: Bà Vả và Xoài
- Chia di sản:

+ Bà Vả được hưởng 2/3 phần di sản chia theo PL:

Hàng thừa kế thứ nhất gồm: bà Vả, Lan, Hồng, Huệ, Xoài.

$(1.000.000.000 : 5) \times 2/3 = 123 \text{ triệu}$

+ Xoài được hưởng phần còn lại

$1.000.000.000 - 123.000.000 = 877.000.000.000$

Bài tập 2

- Hùng và Hạnh kết hôn hợp pháp và không có con. Hai người nhận con nuôi đặt tên là Phúc. Trong một lần đi công tác xa Hùng gặp Lan và có với nhau một con gái tên là Hoa. Hùng bị tai nạn giao thông, trước khi chết Hùng đã di chúc bằng miệng có sự làm chứng của nhiều người để lại toàn bộ di sản cho vợ con.
- Hùng để lại di chúc bằng miệng có hợp pháp không?
- Xác định những người được hưởng di sản của Hùng.
- Chia di sản của Hùng (biết di sản là 900.000.000đ)

Bài tập 3

Ông Hùng kết hôn hợp pháp với bà Lan tại Huế và có 2 con chung là Minh (1973), Bình (1975). Bình hoàn toàn khỏe mạnh, Minh bị mất khả năng lao động. Ông Hùng quan hệ bất chính với bà Huệ và có một con trai là Hoàng Anh (1985). Ngày 30/8/2011 Ông Hùng qua đời. Trước khi chết ông đã viết di chúc (hợp pháp) để lại toàn bộ di sản của mình (1.200.000.000 đồng) cho con trai riêng là Hoàng Anh.

Hãy xác định:

- Thời điểm mở thừa kế
- Những người được hưởng di sản của ông Hùng
- Chia di sản của ông Hùng.

Bài tập 4

- Bá và Đạo kết hôn hợp pháp và không có con. Ngày 20/9/2010 Bá bị bệnh nặng và qua đời. Trước khi chết Bá đã viết di chúc để lại toàn bộ di sản cho người thân duy nhất là em trai tên Quá.
- Quá có được hưởng toàn bộ di sản theo di chúc của Bá không? Vì sao.
- Hãy chia di sản của Bá. Biết rằng tài sản chung của Bá và Đạo là 1 tỷ đồng, cha mẹ Bá đã chết

BÀI TẬP 5

Ông A kết hôn hợp pháp với bà B năm 1945, có 3 con chung là C, D, E. Anh C kết hôn với chị Q và có 2 con chung là K và T. Anh C tai nạn chết 4-2001. Trước khi chết anh C để lại di chúc hợp pháp cho ông A và bà B hưởng phần di sản của anh C trong khối di sản chung với chị Q, phần còn lại chia đều cho Q, K, T. Sau khi anh C qua đời, chị Q làm đơn yêu cầu chia di sản của anh C. Tòa án xác định tài sản chung hợp nhất của anh C và chị Q là 1 tỷ đồng. Tài sản riêng của anh C là 500 triệu đồng

- Hãy chia di sản trong trường hợp trên.

Bài tập 6

An và Hòa kết hôn hợp pháp 20/8/2008. Sau 1 tháng An có thai. Ngày 15/11/2008 Hòa qua đời do tai nạn giao thông. An sinh cháu Bình khỏe mạnh. Cháu Bình có được hưởng di sản của Hòa không? Vì sao?

Cháu Bình được hưởng di sản vì cháu thuộc hàng thừa kế thứ nhất. Cháu sinh ra và còn sống sau thời điểm mở thừa kế nhưng đã thành thai trước khi Hòa chết.

Bài tập 8

A kết hôn với B, có 2 con chung là C và D. A chết và viết di chúc hợp pháp để lại 1/5 di sản của mình cho cha mẹ đẻ.

- Xác định những người được hưởng di sản của A
- Chia di sản của A, biết tài sản chung của A và B là 800 triệu đồng. Nghĩa vụ nợ của A để lại là 500 triệu đồng.

Bài tập 7

- Ông Hải kết hôn hợp pháp với bà Khanh tại Huế năm 1974 và có 2 con chung là Hùng (1975), Dũng (1980). Ông Hải quan hệ bất chính với bà Hòa và có một con gái là Lan (1983). Ngày 1/5/2010, Ông Hải bị tai nạn giao thông chết không để lại di chúc. Bà Hòa dắt Lan về thấp hương cho ông Hải và đòi chia di sản của ông. Được biết, khi còn sống Ông Hải đã từ Hùng vì Hùng đã phản đối việc ông Hải quan hệ bất chính và Hùng đã có hành động vô lễ và bỏ mặt ông Hải

Hãy xác định:

- Thời điểm mở thừa kế
- Những người được hưởng di sản
- Chia di sản của ông Hải. Biết di sản của ông là 1 tỉ đồng

d. Hợp đồng dân sự:

- Khái niệm : *Hợp đồng dân sự là sự thoả thuận của hai hoặc nhiều bên nhằm xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt các quyền và nghĩa vụ dân sự.*

Hãy lấy ví dụ một số loại hợp đồng dân sự thông dụng!

- Hình thức hợp đồng dân sự

- Bằng lời nói (bằng miệng):** Áp dụng trong trường hợp các bên có độ tin tưởng lẫn nhau; có hiệu lực tại thời điểm các bên trực tiếp thoả thuận nội dung hợp đồng
 - Bằng văn bản:** các bên ghi nhận những nội dung giao kết hợp đồng và cùng ký tên xác nhận vào văn bản đó. Mỗi bên tham gia đồng giữ một bản
- Đối với hợp đồng phức tạp, để xảy ra tranh chấp và những hợp đồng có đối tượng là tài sản lớn hoặc tài sản mà NN cần quản lý, kiểm soát thì chuyển dịch từ chủ thể này sang chủ thể khác thì **phải có công chứng, chứng thực***

- Nội dung của hợp đồng

Tùy theo từng loại hợp đồng, các bên có thể thoả thuận về những nội dung sau đây:

- Đối tượng của hợp đồng là tài sản phải giao, công việc phải làm hoặc không được làm;
- Số lượng, chất lượng;
- Giá, phương thức thanh toán;
- Thời hạn, địa điểm, phương thức thực hiện hợp đồng;
- Quyền, nghĩa vụ của các bên;
- Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng;
- Phạt vi phạm hợp đồng;
- Các nội dung khác.

- Các loại hợp đồng dân sự

Điều 406: Các loại hợp đồng dân sự chủ yếu

1. **Hợp đồng song vụ**: mỗi bên đều có nghĩa vụ đối với nhau;
2. **Hợp đồng đơn vụ**: chỉ một bên có nghĩa vụ;
3. **Hợp đồng chính**: hiệu lực không phụ thuộc vào hợp đồng phụ;
4. **Hợp đồng phụ**: hiệu lực phụ thuộc vào hợp đồng chính;
5. **Hợp đồng vì lợi ích của người thứ ba**: các bên giao kết hợp đồng đều phải thực hiện nghĩa vụ và người thứ ba được hưởng lợi ích từ việc thực hiện nghĩa vụ đó;
6. **Hợp đồng có điều kiện**: việc thực hiện phụ thuộc vào việc phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt một sự kiện nhất định.

- Giao kết và thực hiện hợp đồng

- **Giao kết**: tuân theo nguyên tắc tự do giao kết hợp đồng (không trái PL, đạo đức); tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác, trung thực, ngay thẳng
- **Thực hiện**:
 - + Đúng hợp đồng, đúng đối tượng, chất lượng, số lượng, chủng loại, thời hạn, phương thức và thỏa thuận khác
 - + Trung thực, theo tinh thần hợp tác và có lợi nhất cho các bên, bảo đảm tin cậy lẫn nhau
 - + Không được xâm phạm đến lợi ích của nhà nước, lợi ích công cộng, quyền lợi hợp pháp của người khác

- Chấm dứt, hủy bỏ hợp đồng dân sự

- Chấm dứt trong các trường hợp:

- + Đã được hoàn thành.
- + Theo thỏa thuận của các bên.
- + Cá nhân giao kết hợp đồng chết, pháp nhân hoặc chủ thể khác chấm dứt mà hợp đồng phải do chính cá nhân, pháp nhân hoặc chủ thể đó thực hiện.
- + Hợp đồng bị hủy bỏ, bị đơn phương chấm dứt thực hiện.
- + Hợp đồng không thể thực hiện được do đối tượng của hợp đồng không còn và các bên có thể thỏa thuận thay thế đối tượng khác hoặc bồi thường thiệt hại.
- + Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

- Chấm dứt, hủy bỏ hợp đồng dân sự

- Đơn phương chấm dứt hợp đồng dân sự:

- 1 bên có quyền đơn phương chấm dứt HĐ nếu các bên có thỏa thuận hoặc PL quy định. Bên đơn phương chấm dứt phải báo ngay cho bên kia. Nếu không thông báo mà gây thiệt hại cho bên kia thì phải bồi thường

- Hủy bỏ HĐ dân sự:

- 1 bên có quyền hủy bỏ HĐ mà không phải bồi thường thiệt hại khi bên kia vi phạm HĐ là điều kiện hủy bỏ. Bên hủy bỏ phải thông báo ngay cho bên kia biết. Nếu không thông báo mà gây thiệt hại thì phải bồi thường.